

BỘ BƯU CHÍNH,  
VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2007/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2007

## QUYẾT ĐỊNH

**ban hành định mức hỗ trợ duy trì và phát triển  
cung ứng dịch vụ viễn thông công ích**

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg ngày 08/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 67/2006/TT-BTC

ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính (Văn bản số: 6770/BTC-TCNH ngày 22 tháng 5 năm 2007) về định mức hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Định mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích (Phụ lục 1).

2. Danh sách các địa phương (huyện, xã) thuộc vùng được cung cấp dịch vụ

viễn thông công ích phân theo khu vực để áp dụng định mức theo Quyết định này (Phụ lục 2).

**Điều 2.** Định mức này áp dụng để:

1. Xây dựng kế hoạch cung ứng dịch vụ viễn thông công ích.

2. Làm căn cứ xác định dự toán kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích khi Nhà nước ký hợp đồng đặt hàng, giao kế hoạch đối với các doanh nghiệp viễn thông; mời thầu cung ứng dịch vụ viễn thông công ích (trong trường hợp đấu thầu).

3. Thanh toán khối lượng sản phẩm, dịch vụ viễn thông công ích đã duy trì, phát triển theo quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Định mức ban hành tại Khoản 1 Điều 1 của Quyết định này được áp dụng cho việc thanh toán khối lượng sản phẩm, dịch vụ viễn thông công ích thực hiện đến hết năm 2007.

Trong quá trình thực hiện, nếu có sự biến động lớn về chi phí cung ứng dịch vụ viễn thông công ích của các doanh nghiệp, Bộ Bưu chính, Viễn thông sẽ điều chỉnh định mức cho phù hợp tình hình thực tế.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Viễn thông; Hội đồng Quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông; các Sở Bưu chính Viễn thông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Trung Tá

## Phụ lục 1

**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CUNG ỨNG  
DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BBCVT  
ngày 15/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)*

## Phần 1

**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DUY TRÌ MẠNG ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH  
VÀ INTERNET ĐỂ CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

## 1.1. Duy trì thuê bao mạng điện thoại cố định và Internet

Đơn vị: đồng/thuê bao/năm

Vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích	Định mức
1. Khu vực 1	505.000
2. Khu vực 2	708.000
3. Khu vực 3	1.011.000

- Kinh phí tính hỗ trợ được xác định theo số thuê bao thực tế duy trì hàng tháng trong năm; không phân biệt thuê bao cố định hữu tuyến hoặc thuê bao cố định vô tuyến.

- Trong trường hợp thuê bao sử dụng cả hai dịch vụ điện thoại cố định và truy nhập internet trên cùng một thuê bao thì chỉ áp dụng một lần định mức trên.

- Định mức này được áp dụng cho việc thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 2005 - 2007.

1.2. Duy trì hệ thống VSAT-IP tại vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Mức hỗ trợ là: 115.000.000 đồng/trạm/năm (không phân biệt khu vực).

- Kinh phí hỗ trợ được xác định theo số trạm thực tế duy trì hàng tháng trong năm.

- Định mức này được áp dụng cho việc thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 2005 - 2007.

## Phần 2

**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DUY TRÌ ĐIỂM TRUY NHẬP DỊCH VỤ  
VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG TẠI CÁC VÙNG ĐƯỢC  
CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

## 2.1. Điểm truy nhập điện thoại công cộng có người phục vụ

Đơn vị: đồng/điểm/năm

Vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích	Định mức
1. Khu vực 1	5.197.000
2. Khu vực 2	7.275.000
3. Khu vực 3	10.394.000

- Các điểm truy nhập dịch vụ điện thoại công cộng được hỗ trợ bao gồm:

+ Điểm truy nhập điện thoại công cộng tại các bưu cục, điểm Bưu điện - Văn hóa xã.

+ Các điểm truy nhập do doanh nghiệp viễn thông sở hữu và trực tiếp duy trì (không áp dụng đối với các hợp đồng đại lý điện thoại).

- Kinh phí hỗ trợ được xác định theo số điểm truy nhập điện thoại công cộng thực tế duy trì hàng tháng trong năm.

- Định mức này được áp dụng cho việc thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 2005 - 2007.

## 2.2. Điểm truy nhập điện thoại không có người phục vụ

Đơn vị: đồng/điểm/năm

Vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích	Định mức
1. Khu vực 1	195.000
2. Khu vực 2	273.000
3. Khu vực 3	389.000

- Các điểm truy nhập dịch vụ điện thoại công cộng không có người phục vụ là các trạm CardPhone do doanh nghiệp viễn thông sở hữu và trực tiếp duy trì (không áp dụng đối với các hợp đồng đại lý điện thoại).

- Kinh phí hỗ trợ được xác định theo số

trạm CardPhone thực tế duy trì hàng tháng trong năm.

- Định mức này được áp dụng cho việc thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 2005 - 2007.

2.3. Điểm truy nhập internet công cộng

Đơn vị: đồng/điểm/năm

Vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Định mức
1. Khu vực 1	12.635.000
2. Khu vực 2	17.690.000
3. Khu vực 3	25.271.000

Các điểm truy nhập dịch vụ điện thoại và internet công cộng được hỗ trợ bao gồm:

+ Điểm truy nhập internet công cộng tại các bưu cục, điểm Bưu điện - Văn hóa xã.

+ Các điểm truy nhập dịch vụ internet công cộng do doanh nghiệp viễn thông sở hữu và trực tiếp duy trì (không áp dụng đối với các hợp đồng đại lý internet).

- Kinh phí hỗ trợ được xác định theo số điểm truy nhập internet công cộng thực tế duy trì hàng tháng trong năm.

- Định mức trên áp dụng cho điểm truy nhập internet công cộng có quy mô từ 5 máy vi tính trở lên.

Trường hợp điểm truy nhập dịch vụ internet công cộng có ít hơn 5 máy vi tính thì số máy vi tính ít hơn được tính giảm trừ định mức hỗ trợ số tiền 2.500.000 đồng/một máy/năm (Số giảm trừ cụ thể hàng năm tính trên số tháng thực tế không đủ 5 máy vi tính sử dụng); Trường hợp điểm truy nhập internet công cộng chỉ có 01 hoặc 02 máy vi tính thì tổng số giảm trừ định mức không thấp hơn định mức duy trì điểm truy nhập điện thoại công cộng có người phục vụ ở khu vực 1 (Mục 2.1).

Việc xác định số máy vi tính hiện có và thời điểm đưa máy vi tính vào sử dụng truy nhập internet (để không tính giảm

trừ) tại các điểm truy nhập internet công cộng căn cứ vào các thủ tục, chứng từ mua bán, bàn giao tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

- Định mức này được áp dụng cho việc thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 2005 - 2007.

2.4. Điểm truy nhập điện thoại và Internet kết hợp

Đơn vị: đồng/điểm/năm

Vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích	Định mức
1. Khu vực 1	14.923.000
2. Khu vực 2	20.892.000
3. Khu vực 3	29.846.000

Các điểm truy nhập dịch vụ điện thoại và internet công cộng được hỗ trợ bao gồm:

+ Điểm truy nhập điện thoại và internet công cộng tại các bưu cục, điểm Bưu điện - Văn hóa xã.

+ Các điểm truy nhập dịch vụ điện thoại và internet công cộng do doanh nghiệp viễn thông sở hữu và trực tiếp duy trì (không áp dụng đối với các hợp đồng đại lý điện thoại).

- Kinh phí hỗ trợ được xác định theo số điểm truy nhập điện thoại công cộng thực tế duy trì hàng tháng trong năm.

- Định mức trên áp dụng cho điểm truy nhập internet công cộng có quy mô từ 5 máy vi tính trở lên.

Trường hợp điểm truy nhập dịch vụ internet công cộng có ít hơn 5 máy vi tính thì số máy vi tính ít hơn được

tính giảm trừ định mức hỗ trợ số tiền 2.500.000 đồng/một máy/năm (Số giảm trừ cụ thể hàng năm tính trên số tháng thực tế không đủ 5 máy vi tính sử dụng); Trường hợp điểm truy nhập internet công cộng chỉ có 01 hoặc 02 máy vi tính thì tổng số giảm trừ định mức không thấp hơn định mức duy trì điểm truy nhập điện thoại công cộng có người phục vụ ở khu vực 1 (Mục 2.1).

Việc xác định số máy vi tính hiện có và thời điểm đưa máy vi tính vào sử dụng truy nhập internet (để không tính giảm trừ) tại các điểm truy nhập internet công cộng căn cứ vào các thủ tục, chứng từ mua bán, bàn giao tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

- Định mức này được áp dụng cho việc thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 2005 - 2007.

**Phần 3**  
**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CUNG ỨNG**  
**DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**  
**BẮT BUỘC**

Định mức hỗ trợ tính bằng mức cước liên lạc do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định đối với dịch vụ điện thoại cố định nội hạt, nội tỉnh. Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định khung giá cước thì mức hỗ trợ theo mức cước sàn.

- Dịch vụ viễn thông bắt buộc được hỗ trợ bao gồm các dịch vụ: 113, 114, 115,

116 phát sinh từ mạng điện thoại cố định gọi trong nội hạt, nội tỉnh.

- Khu vực hỗ trợ: trên phạm vi cả nước.

- Định mức này được áp dụng cho việc thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 2005 - 2007.

Trường hợp mức cước liên lạc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chưa bao gồm thuế VAT thì định mức hỗ trợ được bổ sung vào thêm số thuế VAT phải nộp Nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Phần 4**

**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THUÊ BAO MỚI VÀ DUY TRÌ**  
**THUÊ BAO ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH, INTERNET CỦA CÁC CÁ**  
**NHÂN, HỘ GIA ĐÌNH TẠI VÙNG ĐƯỢC CUNG ỨNG**  
**DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

4.1. Hỗ trợ lắp đặt, hòa mạng thuê bao mới sử dụng điện thoại cố định, Internet:

Đơn vị: đồng/thuê bao phát triển mới

Vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích	Định mức
1. Khu vực 1	100.000
2. Khu vực 2	140.000
3. Khu vực 3	200.000

- Kinh phí hỗ trợ được xác định theo số thuê bao thực tế phát triển mới; không phân biệt thuê bao cố định hữu tuyến hoặc thuê bao cố định vô tuyến.

- Trong trường hợp thuê bao sử dụng cả hai dịch vụ điện thoại cố định và truy nhập internet trên cùng một thuê bao thì chỉ áp dụng một lần định mức trên.

- Định mức này được áp dụng kể từ khi Bộ Bưu chính, Viễn thông ban hành giá cước dịch vụ lắp đặt, hòa mạng điện thoại cố định phát triển mới.

Doanh nghiệp chỉ thu của chủ thuê bao số tiền chênh lệch giữa mức cước lắp đặt hòa mạng và mức hỗ trợ theo định mức trên.

Chủ thuê bao là cá nhân, hộ gia đình được giảm trừ mức cước phải trả cho doanh nghiệp theo định mức trên. Nhà nước thanh toán khoản hỗ trợ theo định mức trên cho người sử dụng dịch vụ thông qua doanh nghiệp viễn thông, Internet.

4.2. Duy trì thuê bao điện thoại cố định, Internet

Đơn vị: đồng/thuê bao/tháng

Vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích	Định mức
1. Khu vực 1	10.000
2. Khu vực 2	14.000
3. Khu vực 3	20.000

- Kinh phí tính hỗ trợ được xác định theo số thuê bao thực tế duy trì; không phân biệt thuê bao cố định hữu tuyến hoặc thuê bao cố định vô tuyến.

- Trong trường hợp thuê bao sử dụng cả hai dịch vụ điện thoại cố định và truy nhập internet trên cùng một thuê bao thì chỉ áp dụng một lần định mức trên.

- Định mức này được áp dụng kể từ tháng tiếp theo tháng Quyết định ban hành định mức có hiệu lực thi hành. Riêng dịch vụ duy trì thuê bao Internet được áp dụng từ tháng Quyết định ban hành giá cước của Bộ Bưu chính, Viễn thông có hiệu lực thi hành.

Doanh nghiệp chỉ thu của chủ thuê bao số tiền chênh lệch giữa mức cước thuê bao tháng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và mức hỗ trợ theo định mức trên.

Chủ thuê bao là cá nhân, hộ gia đình được giảm trừ mức cước phải trả cho doanh nghiệp theo định mức trên. Nhà nước thanh toán khoản hỗ trợ theo định mức trên cho người sử dụng dịch vụ thông qua doanh nghiệp viễn thông, Internet.

4.3. Định mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho chủ thuê bao sử dụng dịch vụ:

4.3.1. Thiết bị đầu cuối điện thoại cố định cho thuê bao phát triển mới:



Đơn vị: đồng/thuê bao

Vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích	Định mức
1. Khu vực 1	100.000
2. Khu vực 2	140.000
3. Khu vực 3	200.000

- Định mức này được áp dụng cho các thuê bao phát triển mới từ 01/7/2007.

- Mức hỗ trợ trên áp dụng đối với thuê bao điện thoại cố định phát triển mới là cá nhân, hộ gia đình.

- Chủ thuê bao tự mua máy điện thoại cố định và được giảm trừ khoản hỗ trợ

trên vào cước phát sinh hàng tháng phải trả cho doanh nghiệp ký hợp đồng lắp đặt, hòa mạng và cung ứng dịch vụ. Nhà nước thanh toán khoản hỗ trợ trên cho người sử dụng dịch vụ thông qua doanh nghiệp viễn thông cung ứng dịch vụ.

4.3.2. Thiết bị đầu cuối (Modem) dịch vụ truy nhập Internet

Đơn vị: đồng/thuê bao

Vùng	Định mức	
	Gián tiếp	ADSL
1. Khu vực 1	150.000	200.000
2. Khu vực 2	210.000	300.000
3. Khu vực 3	300.000	400.000

- Định mức này được áp dụng cho các thuê bao phát triển mới từ 01/7/2007.

- Mức hỗ trợ trên áp dụng đối với thuê bao internet phát triển mới là cá nhân, hộ gia đình.

- Chủ thuê bao tự mua modem và

được giảm trừ khoản hỗ trợ trên vào cước phát sinh hàng tháng phải trả cho doanh nghiệp ký hợp đồng lắp đặt, hòa mạng và cung ứng dịch vụ. Nhà nước thanh toán khoản hỗ trợ trên cho người sử dụng dịch vụ thông qua doanh nghiệp viễn thông cung ứng dịch vụ.

## Phụ lục 2

DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG (HUYỆN, XÃ) THUỘC VÙNG ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH PHÂN THEO KHU VỰC  
(ban hành kèm theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BBCVT  
ngày 15/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)						
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng				
1	2	3	4	5	6	7				
1	An Giang			1. Vĩnh Trường	1. An Phú	KV3				
				2. Phú Hội		KV3				
				3. Phú Hữu		KV3				
				1. An Nông	2. Tịnh Biên	KV3				
				2. An Cư		KV3				
				3. Tân Lợi		KV3				
				1. Ô Lâm	3. Tri Tôn	KV3				
				2. An Tức		KV3				
				3. Lạc Quới		KV3				
				4. Lương An Trà	KV3					
				1. Phú Lộc	4. Tân Châu	KV3				
				2	Bạc Liêu	1. Hồng Dân	KV1	1. Phong Thạch	1. Giá Rai	KV3
								Đông B		
2. Đông Hải	KV1	1. Hiệp Thành	2. TX Bạc Liêu					KV3		
2. Vĩnh Trạch		Đông							KV3	
1. Vĩnh Hậu	3. Hòa Bình	KV3								
2. Vĩnh Thịnh			KV3							
3. Vĩnh Hậu A										
1. Vĩnh Phú Tây	4. Phước Long	KV3								

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)			
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng	
1	2	3	4	5	6	7	
3	Bắc Giang	1. Lục Nam	KV2	1. Cẩm Sơn	1. Lục Ngạn	KV3	
				2. Yên Dũng		KV2	2. Phong Vân
				3. Tân Sơn		KV3	
				4. Phong Minh		KV3	
				5. Hộ Đáp		KV3	
				6. Xa Lý		KV3	
				7. Sơn Hải		KV3	
				8. Kim Sơn		KV3	
				9. Đèo Gia		KV3	
				1. Thạch Sơn		2. Sơn Động	KV3
				2. Quế Sơn			KV3
				3. Giáo Liêm			KV3
				4. Dương Hưu			KV3
		5. An Lạc		KV3			
		6. Hữu Sần		KV3			
		7. Vân Sơn		KV3			
		8. Lệ Viễn		KV3			
		9. Chiên Sơn		KV3			
		10. Cẩm Đàn		KV3			
		11. Vĩnh Khương		KV3			
		12. Phúc Thắng		KV3			
		13. Thanh Luận		KV3			
4	Bắc Kạn	1. Ba Bể	KV2	1. Cốc Đán	1. Ngân Sơn	KV3	
		2. Bạch Thông	KV2	2. Thượng Ân		KV3	
		3. Chợ Mới	KV2	3. Đức Vân		KV3	
		4. Pắc Nặm	KV3	4. Thượng Quan		KV3	
				5. Thuần Mang		KV3	

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				6. Hương Nê		KV3
				7. Lãng Ngâm		KV3
				1. Lương Thượng	2. Na Rì	KV3
				2. Ân Tĩnh		KV3
				3. Văn Minh		KV3
				4. Văn Học		KV3
				5. Vũ Loan		KV3
				6. Cư Lễ		KV3
				7. Lương Thành		KV3
				8. Kim Hỷ		KV3
				9. Hữu Thác		KV3
				10. Dương Sơn		KV3
				11. Xuân Dương		KV3
				12. Liêm Thủy		KV3
				13. Đông Xá		KV3
				14. Quang Phong		KV3
				15. Côn Minh		KV3
				1. Rã Bản	3. Chợ Đồn	KV3
				2. Bằng Lãng		KV3
				3. Phương Viên		KV3
				4. Nam Cường		KV3
				5. Quảng Bạch		KV3
				6. Yên Thịnh		KV3
				7. Bản Thi		KV3
				8. Lương Bằng		KV3
				9. Bình Trung		KV3
				10. Phong Huân		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				11. Yên Mỹ		KV3
				12. Đại Sáo		KV3
				13. Xuân Lạc		KV3
				14. Tân Lập		KV3
5	Bình Định	1. Hoài Ân	KV2	1. An Toàn	1. An Lão	KV3
				2. An Quang		KV3
				3. An Nghĩa		KV3
				4. An Vinh		KV3
				5. An Hưng		KV3
				6. An Dũng		KV3
				1. Vĩnh Sơn	2. Vĩnh Thạnh	KV3
				2. Vĩnh Kim		KV3
				3. Vĩnh Hòa		KV3
				4. Vĩnh Hiệp		KV3
				1. Vĩnh An	3. Tây Sơn	KV3
				2. Bình Tân		KV3
				1. Canh Liên	4. Vân Canh	KV3
				2. Canh Hòa		KV3
6	Bình Phước	1. Bù Đăng	KV2	1. Bù Gia Mập	1. Phước Long	KV3
		2. Bù Đốp	KV1	2. Đak Ô		KV3
				3. Đức Hạnh		KV3
				4. Đa Kia		KV3
				5. Phú Nghĩa		KV3
				1. Lộc Khánh	2. Lộc Ninh	KV3
				2. Lộc Thuận		KV3
				3. Lộc Quang		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				4. Lộc Hòa		KV3
				5. Lộc Thiện		KV3
				1. Thanh An	3. Bình Long	KV3
				1. Tân Hưng	4. Đồng Phú	KV3
				2. Tân Hòa		KV3
				3. Đồng Tâm		KV3
				1. Tân Quan	5. Chơn Thành	KV3
7	Bình Thuận	1. Hàm Thuận Bắc	KV2	1. Phan Dũng	1. Tuy Phong	KV3
				1. Phan Tiến	2. Bắc Bình	KV3
				2. Phan Điền		KV3
				1. Mỹ Thạnh	3. Hàm Thuận	KV3
				2. Hàm Cấn		KV3
				1. La Ngâu	4. Tánh Linh	KV3
				2. Măng Tố		KV3
				1. Đông Hà	5. Đức Linh	KV3
				1. Sông Phan	6. Hàm Tân	KV3
8	Cà Mau	1. Cái Nước	KV1	1. Hồ Thị Kỳ	1. Thới Bình	KV3
		2. U Minh	KV1	1. Thanh Tùng	2. Đầm Dơi	KV3
				2. Tân Duyệt		KV3
				1. Khánh Bình Tây	3. Trần Văn Thời	KV3
				2. Khánh Bình Đông		KV3
				3. Khánh Bình Tây Bắc		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
9	Cần Thơ	1. Phong Điền	KV1			
		2. Vĩnh Thạnh	KV1			
10	Cao Bằng	1. Bảo Lạc	KV3			
		2. Bảo Lâm	KV3	1. Mỹ Hưng	1. Phục Hòa	KV3
		3. Hạ Lang	KV3	2. Tiên Thành		KV3
		4. Hà Quảng	KV3	3. Triệu Áu		KV3
		5. Hòa An	KV2	1. Quang Hán	2. Trà Lĩnh	KV3
		6. Nguyên Bình	KV3	2. Tri Phương		KV3
		7. Quảng Uyên	KV3	3. Cô Mứi		KV3
		8. Thạch An	KV3	4. Lưu Ngọc		KV3
		9. Thông Nông	KV3	5. Quang Vinh		KV3
		10. Trùng Khánh	KV3	6. Quốc Toàn		KV3
			7. Quang Trung		KV3	
11	Đà Nẵng	1. Hoàng Sa	KV3			
12	Đắk Lắk	1. Buôn Đôn	KV2	1. Cư Pong	1. Krông Búk	KV3
		2. Cư M'Gar	KV2	1. Ea Yêng	2. Krông Pắc	KV3
		3. Ea H'Leo	KV2			
		4. Ea Kar	KV2			
		5. Ea Sup	KV2			
		6. Krông Ana	KV2			
		7. Krông Bông	KV3			
		8. Krông Năng	KV3			
		9. Lắk	KV3			
		10. Ma Đ'Răk	KV3			

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
13	Đắk Nông	1. Đắk Glong	KV3	1. Đắk Wil	1. Cư Jút	KV3
		2. Đắk Rlấp	KV3	1. Đắk Găn	2. Đắk Mil	KV3
		3. Đắk Song	KV3			
		4. Krông Nô	KV3			
		5. Tuy Đức	KV3			
14	Điện Biên	1. Điện Biên	KV3			
		2. Điện Biên Đông	KV3			
		3. Mường Chà	KV3			
		4. Mường Nhé	KV3			
		5. Tủa Chùa	KV3			
		6. Tuần Giáo	KV3			
15	Đồng Tháp			1. Tân Hộ Cơ	1. Tân Hồng	KV3
				2. Thông Bình		KV3
				3. Bình Phú		KV3
				1. Thường Phước I	2. Hồng Ngự	KV3
				2. Thường Thời Hậu A		KV3
16	Gia Lai	1. Chư Sê	KV2	1. Hà Tây	1. Chư Páh	KV3
		2. Chư Prông	KV2	2. Đắk Tô Ver		KV3
		3. Đắk Đoa	KV3			
		4. Đắk Pơ	KV3			
		5. Đức Cơ	KV2			
		6. Ia Pa	KV3			
		7. Ia Grai	KV3			
		8. Kbang	KV2			

09667600



TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
		9. KôngChro	KV3			
		10. KrôngPa	KV3			
		11. Mang Yang	KV2			
17	Hà Giang	1. Đồng Văn	KV3	1. Tân Lập	1. Bắc Quang	KV3
		2. Bắc Mê	KV3	2. Thượng Bình		KV3
		3. Quang Bình	KV3	3. Đồng Tiến		KV3
		4. Hoàng Su Phì	KV3			
		5. Mèo Vạc	KV3			
		6. Quản Bạ	KV3			
		7. Vị Xuyên	KV3			
		8. Xín Mần	KV3			
		9. Yên Minh	KV3			
18	Hà Tĩnh	1. Cẩm Xuyên	KV2	1. Sơn Lễ	1. Hương Sơn	KV3
		2. Can Lộc	KV2	2. Sơn Tiến		KV3
		3. Thạch Hà	KV2	3. Sơn Kim II		KV3
		4. Vũ Quang	KV3	4. Sơn Lĩnh		KV3
				5. Sơn Hồng		KV3
				1. Phương Mỹ	2. Hương Khê	KV3
				2. Phương Điền		KV3
				3. Hương Liên		KV3
				4. Phú Gia		KV3
				1. Kỳ Lạc	3. Kỳ Anh	KV3
				2. Kỳ Tây		KV3
				3. Kỳ Sơn		KV3
				4. Kỳ Hợp		KV3
				5. Kỳ Trung		KV3

096667600

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
19	Hậu Giang	1. Châu Thành	KV1			
		2. Long Mỹ	KV1			
20	Hòa Bình	1. Đà Bắc	KV3	1. Độc Lập	1. Kỳ Sơn	KV3
		2. Kim Bôi	KV2	1. Cao Dăm	2. Lương Sơn	KV3
		3. Lạc Sơn	KV3	1. Yên Thượng	3. Cao Phong	KV3
		4. Mai Châu	KV2	2. Thung Nai		KV3
		5. Tân Lạc	KV2	3. Yên Lập		KV3
		6. Yên Thủy	KV2	1. Hưng Thi	4. Lạc Thủy	KV3
			2. An Lạc		KV3	
			3. An Bình		KV3	
			4. Đồng Môn		KV3	
21	Khánh Hòa	1. Khánh Vĩnh	KV2	1. Sơn Tân	1. T.x Cam Ranh	KV3
		2. Trường Sa	KV3	1. Thành Sơn	2. Khánh Sơn	KV3
				2. Ba Cạm Nam		KV3
22	Kiên Giang	1. An Minh	KV1	1. Tân Khánh Hòa	1. Kiên Lương	KV3
				2. Phú Mỹ		KV3
				3. Phú Lợi		KV3
				4. Vĩnh Phú		KV3
				5. Vĩnh Điều		KV3
				1. Bình Giang	2. Hòn Đất	KV3
				2. Thổ Sơn		KV3
				1. Giục Tượng	3. Châu Thành	KV3
		2. Minh Hòa		KV3		

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				1. Ngọc Chúc	4. Giồng Giềng	KV3
				2. Vĩnh Thạnh		KV3
				3. Bàn Thạch		KV3
				1. Thạnh Yên A	5. An Biên	KV3
				2. Đông Thái		KV3
				3. Đông Yên		KV3
				4. Nam Thái		KV3
				5. Nam Yên		KV3
				6. Thạnh Yên		KV3
				1. Thới Quản	6. Gò Quao	KV3
				2. Vĩnh Phước B		KV3
				3. Định Hòa		KV3
				4. Định An		KV3
				5. Vĩnh Thắng		KV3
				1. Minh Thuận	7. Vĩnh Thuận	KV3
				2. Vĩnh Bình Bắc		KV3
				3. Vĩnh Bình Nam		KV3
				4. Hòa Chánh		KV3
23	Kon Tum	1. Đăk Glei	KV2	1. Đăk Dục	1. Ngọc Hồi	KV3
		2. Konplong	KV3	2. Đăk Sứ		KV3
		3. Sa Thầy	KV2	3. Đăk Nông		KV3
		4. Tumorông	KV3	4. Đăk Ang		KV3
				5. Sa Loong		KV3
				1. Ngọc Tụ	2. Đăk Tô	KV3
				2. Pô Kô		KV3
				3. Văn Lem		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				1. Đăk Kôi	3. Kon Rẫy	KV3
				2. Đăk Tờ Re		KV3
				3. Đăk Pnê		KV3
				4. Đăk Tô Lung		KV3
				1. Đăk Pxy	4. Đăk Hà	KV3
				2. Ngọc Réo		KV3
24	Lai Châu	1. Tam Đường	KV3	1. Nậm Loỏng	1. Tx. Lai Châu	KV3
		2. Phong Thổ	KV3			KV3
		3. Mường Tè	KV3			KV3
		4. Sin Hồ	KV3			KV3
		5. Than Uyên	KV3			KV3
25	Lâm Đông	1. Đam Rông	KV2	1. Đưng K'nớ	1. Lạc Dương	KV3
				2. Đạ Sa		KV3
				3. Đạ Chair		KV3
				4. Đạ Long		KV3
				1. Liên Hà	2. Lâm Hà	KV3
				1. Pró	3. Đơn Dương	KV3
				2. Ka Đơn		KV3
				3. Đạ Ròn		KV3
				1. Tà Năng	4. Đức Trọng	KV3
				2. Tà Hine		KV3
				1. Đỉnh Trang Thượng	5. Di Linh	KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				2. Sơn Điền		KV3
				1. Lộc Phú	6. Bảo Lâm	KV3
				2. Lộc Lâm		KV3
				3. Lộc Bắc		KV3
				4. Lộc Bảo		KV3
				1. Đạ Ploa	7. Đạ Huoai	KV3
				2. Đoàn Kết		KV3
				3. Phước Lộc		KV3
				1. Mỹ Đức	8. Đạ Tẻh	KV3
				1. Phước Cát 2	9. Cát Tiên	KV3
				2. Tiên Hoàng		KV3
				3. Nam Ninh		KV3
				4. Mỹ Lâm		KV3
				5. Tư Nghĩa		KV3
				6. Đồng Nai Thượng		KV3
26	Lào Cai	1. Bảo Yên	KV2	1. Bản Cầm	1. Bảo	KV3
		2. Bát Xát	KV3	2. Thái Niên		KV3
		3. Mường Khương	KV3	3. Trì Quang		KV3
		4. Si Ma Cai	KV3	1. Bản Khoang	2. Sa Pa	KV3
		5. Văn Bàn	KV3	2. Nậm Sài		KV3
		6. Bắc Hà	KV3	3. Bản Phùng		KV3
				4. Lao Chải		KV3
				5. Tả Van		KV3
				6. Hầu Thào		KV3
				7. Sử Pán		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				8. Thanh Kim		KV3
				9. Suối Thầu		KV3
				10. Tả Giàng Phình		KV3
27	Lạng Sơn	1. Bình Gia	KV3	1. Nhạc Kỳ	1. Văn Lãng	KV3
		2. Văn Quan	KV2	2. Nam La		KV3
		3. Tràng Định	KV2	3. Bắc La		KV3
				4. Trùng Khánh		KV3
				1. Hữu Lân	2. Lộc Bình	KV3
				2. Xuân Dương		KV3
				3. Ái Quốc		KV3
				4. Tĩnh Bắc		KV3
				5. Mẫu Sơn		KV3
				6. Tam Gia		KV3
				7. Lợi Bác		KV3
				1. Bằng Hữu	3. Chi Lăng	KV3
				2. Vân An		KV3
				3. Chiến Thắng		KV3
				4. Liên Sơn		KV3
				5. Lâm Sơn		KV3
				6. Hữu Kiên		KV3
				1. Quyết Thắng	4. Hữu Lũng	KV3
				2. Tân Lập		KV3
				3. Hữu Liên		KV3
				4. Thiện Kị		KV3
				1. Bắc Lãng	5. Đình Lập	KV3
				2. Lâm Ca		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				3. Thái Bình		KV3
				4. Đồng Thắng		KV3
				5. Bắc Xa		KV3
				6. Kiên Mộc		KV3
				7. Bình Xá		KV3
				8. Cường Lợi		KV3
				9. Châu Sơn		KV3
				1. Song Giáp	6. Cao Lộc	KV3
				2. Công Sơn		KV3
				3. Mẫu Sơn		KV3
				4. Thanh Lò		KV3
				5. Thạch Đạn		KV3
				6. Xuân Long		KV3
				1. Nhất Tiến	7. Bắc Sơn	KV3
				2. Trần Yên		KV3
				3. Nhất Hoà		KV3
				4. Tân Hương		KV3
				5. Tân Tri		KV3
				6. Vạn Thủy		KV3
28	Long An			1. Hưng Hà	1. Tân Hưng	KV3
				2. Hưng Điền B		KV3
				3. Hưng Điền		KV3
				1. Thuận Bình	2. Thạnh Hóa	KV3
				2. Tân Hiệp		KV3
				1. Tuyên Bình	3. Vĩnh Hưng	KV3
				2. Thái Bình Trung		KV3
				3. Thái Trị		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				4. Hưng Điền A		KV3
				5. Khánh Hưng		KV3
				1. Bình Thạnh	4. Mộc Hóa	KV3
				2. Bình Hóa Tây		KV3
				3. Thạnh Trị		KV3
				4. Bình Tân		KV3
				1. Mỹ Quý Đông	5. Đức Huệ	KV3
				2. Mỹ Quý Tây		KV3
				3. Bình Hòa Hưng		KV3
				4. Mỹ Thạnh Tây		KV3
				5. Mỹ Bình		KV3
29	Nam Định	1. Nghĩa Hưng	KV1			
		2. Vụ Bản	KV1			
30	Nghệ An	1. Kỳ Sơn	KV3	1. Châu Hoàn	1. Quỳnh Châu	KV3
		2. Quế Phong	KV2	2. Diên Lãm		KV3
				3. Châu Nga		KV3
				4. Châu Phong		KV3
				5. Châu Thuận		KV3
				6. Châu Thắng		KV3
				7. Châu Hội		KV3
				8. Châu Bình		KV3
				1. Nghĩa Mai	2. Nghĩa Đàn	KV3
				2. Nghĩa Thọ		KV3
				3. Nghĩa Lạc		KV3
				1. Nam Sơn	3. Quỳnh Hợp	KV3
				2. Bắc Sơn		KV3
				3. Châu Lý		KV3



TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				4. Châu Thái		KV3
				5. Châu Thành		KV3
				6. Châu Tiến		KV3
				7. Liên Hợp		KV3
				8. Châu Lộc		KV3
				9. Hạ Sơn		KV3
				1. Lạng Khê	4. Con Công	KV3
				2. Cam Lâm		KV3
				3. Bình Chuẩn		KV3
				4. Đôn Phục		KV3
				5. Mậu Đức		KV3
				6. Thạch Ngàn		KV3
				7. Môn Sơn		KV3
				1. Phú Sơn	5. Tân Kỳ	KV3
				2. Tân Hợp		KV3
				3. Tiên Kỳ		KV3
				1. Bình Sơn	6. Anh Sơn	KV3
				2. Thành Sơn		KV3
				1. Hạnh Lâm	7. Thanh Chương	KV3
				2. Thanh Đức		KV3
				1. Nga My	8. Tương Dương	KV3
				2. Thạch Giám		KV3
				3. Nhôn Mai		KV3
				4. Luân Mai		KV3
				5. Tam Hợp		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				6. Hữu Khuông		KV3
				7. Tam Quang		KV3
				8. Tam Đình		KV3
				9. Xá Lượng		KV3
				10. Yên Tĩnh		KV3
				11. Yên Thắng		KV3
				12. Yên Hòa		KV3
				13. Yên Na		KV3
				14. Lượng Minh		KV3
				15. Lưu Kiên		KV3
				16. Mai Sơn		KV3
31	Ninh Bình	1. Nho Quan	KV2			
		2. Yên Khánh	KV1			
		3. Yên Mô	KV2			
32	Ninh Thuận	1. Bác Ái	KV2	1. Hòa Sơn	1. Ninh Sơn	KV3
				2. Ma Nới		KV3
				1. Phước Hà	2. Ninh Phước	KV3
				1. Phước Kháng	3. Thuận Bắc	KV3
				2. Phước Chiến		KV3
33	Phú Thọ	1. Cẩm Khê	KV1			
		2. Hạ Hòa	KV2			
		3. Thanh Sơn	KV2			
		4. Thanh Thủy	KV1			
		5. Yên Lập	KV2			
		6. Thanh Ba	KV2			

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)			
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng	
1	2	3	4	5	6	7	
34	Phú Yên	1. Đồng Xuân	KV2	1. Sơn Hội	1. Sơn Hòa	KV3	
			KV1	2. Krông Pa		KV3	
				3. Sơn Định		KV3	
				4. Cà Lúi		KV3	
				5. Phước Tân		KV3	
				1. Eabia		2. Sông Hinh	KV3
				2. Ealy			KV3
				3. EaBá			KV3
				4. Ealâm			KV3
						5. Sông Hinh	
35	Quảng Bình	1. Minh Hóa	KV2	1. Quảng Hợp	1. Quảng Trạch	KV3	
			KV2	2. Quảng Thạch		KV3	
		2. Tuyên Hóa		1. Thượng Trạch	2. Bồ Trạch	KV3	
				2. Tân Trạch		KV3	
				3. Xuân Trạch		KV3	
				4. Lâm Trạch		KV3	
				1. Trường Sơn		3. Quảng Ninh	KV3
				2. Trường Xuân			KV3
				1. Kim Thủy		4. Lệ Thủy	KV3
				2. Ngân Thủy			KV3
	3. Lâm Thủy	KV3					
36	Quảng Nam	1. Nam Trà My	KV3	1. ZaHung	1. Đông Giang	KV3	
			KV3	2. A Rooih		KV3	
			KV2	3. Cà Dăng		KV3	
				4. A Ting		KV3	

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				5. Zơ Ngây		KV3
				6. Ma Cooih		KV3
				7. Tư		KV3
				1. Chà Vài	2. Nam Giang	KV3
				2. Ladêê		KV3
				3. Laêê		KV3
				4. Ta Bring		KV3
				5. Đắc Pring		KV3
				6. Đắc Pre		KV3
				7. Zuôih		KV3
				1. Phước Đức	3. Phước Sơn	KV3
				2. Phước Chánh		KV3
				3. Phước Kim		KV3
				4. Phước Thành		KV3
				5. Phước Lộc		KV3
				6. Phước Mỹ		KV3
				7. Phước Công		KV3
				1. Phước Trà	4. Hiệp Đức	KV3
				2. Sông Trà		KV3
				3. Phước Gia		KV3
				1. Trà Nú	5. Bắc Trà My	KV3
				2. Trà Kót		KV3
				3. Trà Tân		KV3
				4. Trà Bui		KV3
				5. Trà Đốc		KV3
				6. Trà Giác		KV3
				7. Trà Giáp		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				8. Trà Ka		KV3
				1. Tam Trà	6. Núi Thành	KV3
37	Quảng Ngãi	1. Sơn Hà	KV2	1. Trà Sơn	1. Trà Bồng	KV3
		2. Sơn Tây	KV2	2. Trà Hiệp		KV3
		3. Tây Trà	KV3	3. Trà Nham		KV3
				4. Trà Lâm		KV3
				5. Trà Giang		KV3
				6. Trà Thủy		KV3
				7. Trà Tân		KV3
				1. Long Môn	2. Minh Long	KV3
				2. Long Sơn		KV3
				3. Thanh An		KV3
				1. Ba Dinh	3. Ba Tư	KV3
				2. Ba Ngạc		KV3
				3. Ba Xa		KV3
				4. Ba Trang		KV3
				5. Ba Nam		KV3
				6. Ba Lễ		KV3
				7. Ba Khâm		KV3
38	Quảng Ninh			1. Minh Cầm	1. Ba Chẽ	KV3
				2. Đạp Thanh		KV3
				3. Thanh Lâm		KV3
				4. Thanh Sơn		KV3
				5. Đồn Đạc		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				1. Vô Ngại	2. Bình Liêu	KV3
				2. Lục Hồn		KV3
				3. Đồng Văn		KV3
				4. Tinh Húc		KV3
				5. Húc Động		KV3
				1. Phong Dụ	3. Tiên Yên	KV3
				2. Điền Xá		KV3
				3. Hà Lâu		KV3
				4. Đại Dục		KV3
				1. Đồng Sơn	4. Hoành Bồ	KV3
				2. Đồng Lâm		KV3
				3. Kỳ Thượng		KV3
				4. Hòa Bình		KV3
				1. Quảng Thịnh	5. Hải Hà	KV3
				2. Quảng Đức		KV3
				3. Quảng Sơn		KV3
				1. Quảng An	6. Đàm Hà	KV3
				2. Quảng Lâm		KV3
				1. Đồng Tiến	7. Cô Tô	KV3
				2. Thanh Lân		KV3
				1. Hải Sơn	8. Móng Cái	KV3
				2. Bắc Sơn		KV3
39	Quảng Trị	1. ĐaKông	KV2	1. Vĩnh Ô	1. Vĩnh Linh	KV3
		2. Triệu Phong	KV1	2. Vĩnh Hà		KV3
				1. Hướng Lập	2. Hướng Hóa	KV3
				2. Hướng Việt		KV3
				3. Hướng Sơn		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				4. Hướng Linh		KV3
				5. Hướng Tân		KV3
				6. Húc		KV3
				7. Hướng Lộ		KV3
				8. Thanh		KV3
				9. A Xing		KV3
				10. Xy		KV3
				11. A Dơi		KV3
				12. Ba Tầng		KV3
				13. A Túc		KV3
				1. Linh Thượng	3. Gio Linh	KV3
				2. Vĩnh Trường		KV3
40	Sóc Trăng	1. Mỹ Tú	KV1	1. Tài Văn	1. Mỹ Xuyên	KV3
		2. Thạch Trị	KV1	2. Viên An		KV3
		3. Cù Lao Dung	KV1	3. Viên Bình		KV3
				4. Thạnh Thới An		KV3
				5. Thạnh Phú		KV3
				6. Thạnh Quới		KV3
				1. Trường Khánh	2. Long Phú	KV3
				2. Tân Hưng		KV3
				3. Long Phú		KV3
				4. Đại Ân 2		KV3
				5. Liêu Tú		KV3
				1. An Mỹ	3. Kế Sách	KV3
				2. Kế Thành		KV3
				3. Trinh Phú		KV3

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				1. Long Bình	4. Ngã Năm	KV3
				2. Mỹ Bình		KV3
				3. Vĩnh Quới		KV3
				1. Lai Hòa	5. Vĩnh Châu	KV3
				2. Vĩnh Tân		KV3
				3. Vĩnh Phước		KV3
				4. Vĩnh Châu		KV3
				5. Lạc Hòa		KV3
				6. Hòa Đông		KV3
				7. Khánh Hòa		KV3
41	Sơn La	1. Bắc Yên	KV3	1. Xuân Nha	1. Mộc Châu	KV3
		2. Mường La	KV3	2. Chiềng Khừa		KV3
		3. Phù Yên	KV2	3. Tân Hợp		KV3
		4. Quỳnh Nhai	KV3	4. Suối Bàng		KV3
		5. Sông Mã	KV3	5. Mường Men		KV3
		6. Sốp Cộp	KV3	6. Mường Tè		KV3
		7. Thuận Châu	KV3	7. Quang Minh		KV3
		8. Yên Châu	KV3	8. Song Khùa		KV3
				9. Liên Hòa		KV3
				1. Chiềng Nôi	2. Mai Sơn	KV3
				2. Phiêng Cằm		KV3
				3. Phiêng Păn		KV3
42	Tây Ninh			1. Tân Bình	1. Tân Biên	KV3
				2. Hòa Hiệp		KV3
				1. Tân Hòa	2. Tân Châu	KV3



TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				2. Suối Ngô		KV3
				3. Tân Hà		KV3
				1. Biên Giới	3. Châu Thành	KV3
				2. Hòa Thạnh		KV3
				3. Ninh Điền		KV3
				4. Thành Long		KV3
				5. Phước Vinh		KV3
				6. Hòa Hội		KV3
				1. Long Phước	4. Bến Cầu	KV3
				2. Long Khánh		KV3
				3. Tiên Thuận		KV3
				1. Phước Chi	5. Trảng Bàng	KV3
43	Thái Bình	1. Hưng Hà	KV1			
		2. Kiến Xương	KV1			
		3. Quỳnh Phụ	KV1			
		4. Vũ Thư	KV1			
44	Thái Nguyên	1. Phú Lương	KV2	1. Văn Lang	1. Đồng Hỷ	KV3
		2. Đại Từ	KV3	2. Tân Long		KV3
		3. Võ Nhai	KV3			
		4. Định Hóa	KV2			
		5. Phú Bình	KV3			
45	Thanh Hóa	1. Bá Thước	KV3			
		2. Cẩm Thủy	KV3			
		3. Hậu Lộc	KV1			

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
		4. Lang Chánh	KV3			
		5. Mường Lát	KV3			
		6. Ngọc Lặc	KV3			
		7. Như Thanh	KV3			
		8. Như Xuân	KV3			
		9. Nông Cống	KV1			
		10. Quan Hóa	KV3			
		11. Quan Sơn	KV3			
		12. Quảng Xương	KV1			
		13. Thạch Thành	KV3			
		14. Thiệu Hóa	KV1			
		15. Thọ Xuân	KV1			
		16. Thường Xuân	KV3			
		17. Tĩnh Gia	KV1			
		18. Triệu Sơn	KV1			
		19. Yên Định	KV1			
46	Thừa Thiên Huế			1. Hồng Bắc	1. A Lưới	KV3
				2. Hồng Vân		KV3
				3. Hồng Hạ		KV3
				4. Hương Nguyên		KV3
				5. A Roàng		KV3
				6. A Đớt		KV3

096667600

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				7. Hồng Thái		KV3
				8. Hồng Thủy		KV3
				9. Hồng Trung		KV3
				10. Đông Sơn		KV3
				11. Nhâm		KV3
				12. Hương Lâm		KV3
				1. Thượng Long	2. Nam Đông	KV3
				2. Hương Hữu		KV3
				1. Hồng Tiến	3. Hương Trà	KV3
				1. Dương Hòa	4. Hương Thủy	KV3
47	Tuyên Quang	1. Chiêm Hóa	KV2			
		2. Hàm Yên	KV2			
		3. Na Hang	KV2			
		4. Sơn Dương	KV2			
		5. Yên Sơn	KV2			
48	Trà Vinh			1. Phong Phú	1. Cầu Kè	KV3
				2. Châu Điền		KV3
				3. Hòa Ân		KV3
				1. Hùng Hòa	2. Tiểu Cần	KV3
				2. Tân Hùng		KV3
				3. Phú Cần		KV3
				4. Tập Ngãi		KV3
				5. Hiếu Tử		KV3
				6. Tân Hòa		KV3
				1. Đa Lộc	3. Châu Thành	KV3

09667600

TT	Tỉnh, Thành phố	Huyện thuộc vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Xã được cung cấp DVVT công ích (Không thuộc huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích)		
		Tên huyện	Vùng	Tên xã	Thuộc huyện	Vùng
1	2	3	4	5	6	7
				2. Hòa Lợi		KV3
				3. Lương Hòa		KV3
				1. Kim Hòa	4. Cầu Ngang	KV3
				2. Nhị Trường		KV3
				3. Long Sơn		KV3
				4. Thạnh Hòa Sơn		KV3
				1. Đôn Châu	5. Trà Cú	KV3
				2. Long Hiệp		KV3
				3. Đôn Xuân		KV3
				4. Hàm Giang		KV3
				5. Tân Hiệp		KV3
				6. An Quang Hữu		KV3
				7. Ngọc Biên		KV3
				1. Ngũ Lạc	6. Duyên Hải	KV3
				2. Hiệp Thạnh		KV3
49	Vĩnh Long			1. Trà Côn	1. Trà Ôn	KV3
				2. Tân Mỹ		KV3
50	Vĩnh Phúc	1. Lập Thạch	KV2			
		2. Tam Đảo	KV2			
51	Yên Bái	1. Lục Yên	KV2	1. Ngọc Chấn	1. Yên Bình	KV3
		2. Mù Căng Chải	KV3	2. Phúc Ninh		KV3
		3. Trạm Tấu	KV3	3. Xuân Lai		KV3
		4. Trấn Yên	KV2	4. Yên Thành		KV3
		5. Văn Chấn	KV3	5. Phúc An		KV3
		6. Văn Yên	KV2			
	Tổng số	180		583		